

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>1/1/2012</b>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>55.226.002.263</b>	<b>54.518.355.014</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>43.131.753.078</b>	<b>36.497.081.695</b>
1. Tiền	111		451.480.739	392.589.676
2. Các khoản tương đương tiền	112		42.680.272.339	36.104.492.019
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.221.072.100</b>	<b>2.221.072.100</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.315.783.600	6.315.783.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-4.094.711.500	-4.094.711.500
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.908.046.651</b>	<b>12.255.454.121</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		7.280.358.842	13.657.714.093
5. Các khoản phải thu khác	135		4.937.825.279	4.907.877.498
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-6.310.137.470	-6.310.137.470
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.965.130.434</b>	<b>3.544.747.098</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.942.845	56.171.824
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		218.442.013	133.104.897
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	3.355.470.377	3.355.470.377
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>21.229.658.381</b>	<b>21.316.163.280</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.180.377.003</b>	<b>2.213.572.710</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	186.406.555	221.402.262
- Nguyên giá	222		681.343.013	667.344.831
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-494.936.458	-445.942.569
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	1.993.970.448	1.992.170.448
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>18.635.722.741</b>	<b>18.635.722.741</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.265.000.000	5.265.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		14.100.000.000	14.100.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-729.277.259	-729.277.259
<b>V. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>413.558.637</b>	<b>466.867.829</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		161.930.637	215.239.829
3. Tài sản dài hạn khác	268		251.628.000	251.628.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>76.455.660.644</b>	<b>75.834.518.294</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>1/1/2012</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>6.988.271.247</b>	<b>6.986.228.830</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.988.271.247</b>	<b>6.986.228.830</b>
2. Phải trả người bán	312		-	50.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		5.100.000.000	5.100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>12</b>	1.017.760.351	788.167.206
5. Phải trả công nhân viên	315		90.793.891	142.149.177
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		638.233.005	638.928.447
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		141.484.000	266.984.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			-
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>69.467.389.397</b>	<b>68.848.289.464</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>69.467.389.397</b>	<b>68.848.289.464</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	<b>13</b>	57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	<b>13</b>	8.951.500.000	8.951.500.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	<b>13</b>	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		388.656.419	388.656.419
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	<b>13</b>	2.860.252.978	2.241.153.045
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>76.455.660.644</b>	<b>75.834.518.294</b>

**Trần Khắc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2012

**Lê Huy Phan**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**MẪU B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	Năm 2011
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>14</b>	-	<b>3.100.000.000</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		-	<b>3.100.000.000</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	<b>15</b>	-	2.998.518.788
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		-	<b>101.481.212</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.487.000.716	7.124.133.169
7. Chi phí tài chính	22		-	1.544.849.541
- Trong đó: Chi phí lãi vay	<b>23</b>		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.731.501.919	2.738.354.514
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>755.498.979</b>	<b>2.942.381.072</b>
11. Thu nhập khác	31		69.967.781	125.229.034
12. Chi phí khác	32		-	34.901.733
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>69.967.781</b>	<b>90.327.301</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>825.466.578</b>	<b>3.032.708.373</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	<b>16</b>	206.366.645	791.515.328
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>619.099.933</b>	<b>2.241.193.045</b>

**Trần Khắc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**  
 Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2012

**Lê Huy Phan**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	1	-	9.000.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(712.749.833)	(15.681.266.156)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(621.860.877)	(1.117.587.787)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-	(886.281.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	6.522.925.000	5.402.989.580
7. Tiền chi khác từ cho hoạt động kinh doanh	7	(899.345.441)	(2.407.140.368)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.288.968.849</b>	<b>(5.689.286.304)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD, TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.798.182)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(82.976.700.000)	(225.152.623.841)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.935.109.002	226.396.539.266
5. Tiền chi để mua sắm, vận chuyển, lắp đặt các công cụ đầu tư	25	-	(12.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.528.591.714	4.097.073.952
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.471.202.534</b>	<b>(7.259.010.623)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	125.500.000	(1.381.694.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(125.500.000)</b>	<b>(1.381.694.300)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 50 = 20+30+40 )</b>	<b>50</b>	<b>6.634.671.383</b>	<b>(14.329.991.227)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>36.497.081.695</b>	<b>50.827.072.922</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 70= 50+60+61 )</b>	<b>70</b>	<b>43.131.753.078</b>	<b>36.497.081.695</b>

**Trần Khắc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2012*

**Lê Huy Phan**  
**Kế toán trưởng**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet là Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty Cổ phần số 0103016723 ngày 11/04/2007 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/10/2011 với mã số Doanh nghiệp 0102210969.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng, được chia làm 5.726.698 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cầu, cảng, sân bay, nhà xưởng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vui chơi, giải trí, văn hoá thể thao, khu du lịch sinh thái;
- Lập dự án, lập hồ sơ mời thầu, thẩm định dự án, thẩm định hồ sơ mời thầu, tư vấn các bước thuộc dự án đầu tư xây dựng;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kiểm toán);
- Quản lý và tổ chức thực hiện dự án xây dựng công trình gồm: các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây tải điện, trạm biến áp, trạm biến áp từ 0,4 KV đến 35 KV và các công trình khác;
- Xây dựng nhà máy thủy điện, nhà máy nước;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết, đồ uống có ga và không ga, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sản xuất các dịch vụ tư vấn về phần mềm máy tính, sửa chữa và các dịch vụ phần cứng máy tính;
- Kinh doanh bất động sản;
- ...

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **4.3 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

##### **4.4 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	30/06/2012
	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

##### **4.5 Bất động sản đầu tư và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4.6 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng, mua sắm tài sản có giá trị dưới 10.000.000 đồng được phân bổ dần vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

**4.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ hàng hóa, dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.9 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**4.12 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET**Tầng 4 toà nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
6 tháng đầu năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	235.860.235	110.450.223
Tiền gửi ngân hàng	215.620.504	282.139.453
Các khoản tương đương tiền ( Tiền gửi kỳ hạn dưới 03 tháng)	42.680.272.339	36.104.492.019
<b>Cộng</b>	<b><u>43.131.753.078</u></b>	<b><u>36.497.081.695</u></b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2012</b>		<b>01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>6.315.783.600</b>		<b>6.315.783.600</b>
- Cổ phiếu PVF	63.067	3.784.029.600	63.067	3.784.029.600
- Cổ phiếu ATA	11.760	376.320.000	11.760	376.320.000
- Cổ phiếu Sara (OTC)	7.500	75.000.000	7.500	75.000.000
- Cổ phiếu Cty CP Tài Nguyên	110.850	1.356.268.000	110.850	1.356.268.000
- Cổ phiếu Cty CP thép Việt Ý	10.000	198.594.000	10.000	198.594.000
- Cổ phiếu Cty CP bóng đèn Điện Quang	15.000	277.831.000	15.000	277.831.000
- Cổ phiếu Cty CP vận tải biển và BĐS Việt Hải	20.000	247.741.000	20.000	247.741.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>(4.049.711.500)</b>		<b>(4.049.711.500)</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>240.526</u></b>	<b><u>2.221.072.100</u></b>	<b><u>240.526</u></b>	<b><u>2.221.072.100</u></b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	3.728.445.576	3.355.170.377
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000	300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.728.745.576</u></b>	<b><u>3.355.470.377</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET**Tầng 4 toà nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
6 tháng đầu năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>444.437.818</b>	<b>222.907.013</b>	<b>667.344.831</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	13.998.182	13.998.182
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giảm do thanh lý/ khấu hao	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>444.437.818</b>	<b>236.905.195</b>	<b>681.343.013</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>259.317.853</b>	<b>185.624.716</b>	<b>445.942.569</b>
Tăng trong kỳ	27.777.360	21.216.529	48.993.889
Khấu hao trong kỳ	27.777.360	21.216.529	48.993.889
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giảm khác	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>287.095.213</b>	<b>207.841.245</b>	<b>494.936.458</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>185.119.965</b>	<b>36.282.297</b>	<b>221.402.262</b>
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>157.342.605</b>	<b>29.063.950</b>	<b>186.406.555</b>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>30/06/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Dự án Hà Nam	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	252.781.000	252.781.000
Dự án Hải Dương	1.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.993.970.448</b>	<b>1.992.170.448</b>

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET**Tầng 4 toà nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
6 tháng đầu năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>5.265.000.000</b>	<b>5.265.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường (i)	5.265.000.000	5.265.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>14.100.000.000</b>	<b>14.100.000.000</b>
Góp vốn đầu tư Dự án Đền Lừ	500.000.000	500.000.000
Góp vốn đầu tư Dự án Mê Linh	1.000.000.000	1.000.000.000
Góp vốn với Cty CP Tài Nguyên tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội (Được quyền mua đất nền)	12.600.000.000	12.600.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>	<b>(729.277.259)</b>	<b>(729.277.259)</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.635.722.741</b>	<b>18.635.722.741</b>

(i) Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường có trụ sở tại Km11, Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư VietNamnet đang nắm giữ 270.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần, chiếm 90% vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	967.881.973	761.515.328
Thuế thu nhập cá nhân	49.878.378	26.651.878
<b>Cộng</b>	<b>1.017.760.351</b>	<b>788.167.206</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>01/01/2012</b>	<b>57.266.980.000</b>	<b>8.951.500.000</b>	<b>388.656.419</b>	<b>2.241.153.045</b>	<b>68.848.329.464</b>
- Tăng trong kỳ	-	-	-	619.099.933	619.099.933
- Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-
- Trích lập quỹ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>30/06/2012</b>	<b>57.266.980.000</b>	<b>8.951.500.000</b>	<b>388.656.419</b>	<b>2.860.252.978</b>	<b>69.467.429.397</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETNAMNET**Tầng 4 toà nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
6 tháng đầu năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cổ tức được chia	2.487.000.716	7.124.103.915
<b>Cộng</b>	<b>2.487.000.716</b>	<b>7.124.103.915</b>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn	-	<b>1.540.752.700</b>
Phí mua bán chứng khoán	-	4.096.841
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.544.849.541</b>

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu chuyển nhượng dự án	-	<b>3.100.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.100.000.000</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn chuyển nhượng dự án	-	<b>2.998.518.788</b>
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.998.518.788</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>6 tháng đầu năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	206.366.645	791.515.328
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>206.366.645</b>	<b>791.515.328</b>

**19. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty không có khoản cam kết nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

**20. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không có công nợ tiềm tàng nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

**21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào cần thiết phải trình bày tính đến ngày lập Báo cáo tài chính.

**22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**23. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

- Tổng thù lao của HĐQT và BKS 06 tháng đầu năm là: 87.500.000 đ.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Đông Á.

\_\_\_\_\_  
**Trần Khắc Hùng**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2012*

\_\_\_\_\_  
**Lê Huy Phan**  
**Kế toán trưởng**